

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008 – thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo Lộc – Lâm Đồng
Điện thoại: 263.3864073 Fax: 263.3711608
Website : capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Đồng Anh Khoa**
Chức vụ: NV phòng Kế hoạch & Kỹ Thuật – Cty CP CTN & XD Bảo Lộc
Điện thoại: 2633.864073 – 0932.077.233 Fax: 263.3711608
Mail: anhkhoa.cntd@gmail.com

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008 – thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 263.3864073

Fax: 263.3711608

Website : capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Đồng Anh Khoa**

Chức vụ: NV phòng Kế hoạch & Kỹ Thuật – Cty CP CTN & XD Bảo Lộc

Điện thoại: 2633.864073 – 0932.077.233

Fax: 263.3711608

Mail: anhkhoa.cntd@gmail.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC.**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát công ty

- ❖ Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Và Xây Dựng Bảo Lộc.**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4203000184**, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau

<u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ nhất)	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ hai)	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ ba)	Ngày 06 tháng 12 năm 2016

- ❖ Vốn điều lệ: **27.000.000 VNĐ** (Hai mươi bảy tỷ đồng)
- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:

❖ Thông tin Công ty:

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Điện thoại : (0263) 3864 073
Fax : (0263) 3711 608
Mã số thuế : **5 8 0 0 5 6 3 1 0 6**

Công ty có hai (02) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Thi công xây lắp	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- ❖ Website: **capnuocbaoloc.com**
- ❖ Mã cổ phiếu: **BWA**
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển:

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng. Ngày 13/02/2008 Nhà máy nước Bảo Lộc chuyển đổi thành Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc (trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) theo quyết định Cổ phần

hóa UBND tỉnh Lâm Đồng. Theo quyết định của UNND tỉnh Lâm Đồng số: 2081/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 09 năm 2016 Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc được UBND tỉnh Lâm Đồng ủy quyền toàn bộ phần vốn Nhà nước.

Cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010.

Công ty thành lập 02 chi nhánh trực thuộc, để thực hiện các công tác chuyên môn được giao: Xí nghiệp thủy lượng kế thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-CNBL ngày 01/6/2015 và Xí nghiệp thi công xây lắp thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-CNBL ngày 28/02/2018.

Theo định hướng của UBND tỉnh Lâm Đồng hạn chế khoan khai thác nước ngầm nên năm 2018 Công ty đã chia sẻ mua nước đầu nguồn Công ty Thiên Hòa An 2.200m³/ngày/đêm với giá 4.100đ/m³ (chưa có thuế GTGT) và tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, đầu tư tăng sản lượng, mở rộng hệ thống ống cấp nước nhằm đáp ứng cho nhu cầu sử dụng nước của khách hàng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề	Mã
1	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp	3600 (chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp	4290 43221
4	Dịch vụ lưu trú ngắn hạn	5510
5	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước tinh khiết đóng chai	1104 11041
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động	5610
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: kiểm tra đồng hồ đo nước lạnh	7120
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tham dò địa chất, nguồn nước Hoạt động đo đạc bản đồ Hoạt động kiến trúc Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	7110 71103 71102 71101 71109
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã ba (03) lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với Mã số doanh nghiệp 5800563106.

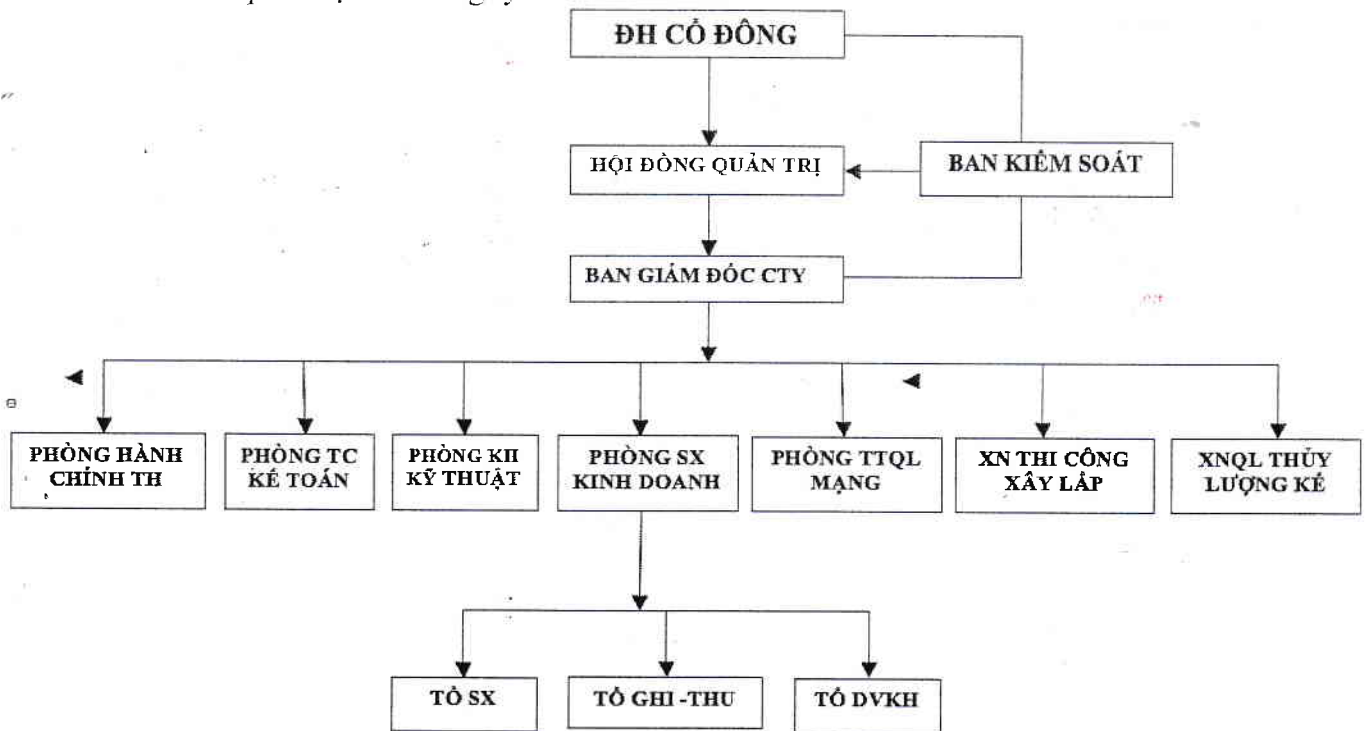
❖ Địa bàn kinh doanh: Thành Phố Bảo Lộc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;

- d. Ban Giám Đốc;
 - e. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện pháp luật của Công ty.
- Mô hình quản trị của Công ty:



4. Định hướng phát triển

✦ Mục tiêu hoạt động của công ty là:

- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của doanh nghiệp.
- Huy động vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông, tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động mà công ty có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp các đối tác để có công trình XD/CB bên ngoài như các công trình mở rộng tái định cư của địa phương, các công trình cải tạo hạ tầng giao thông có nguồn vốn đầu tư của Nhà nước ... để tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- Trong năm Công ty vẫn tiến hành mua nước mặt đầu nguồn của Công ty Thiên Hòa An với sản lượng và giá cả như hợp đồng đã ký kết.
- Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch.

- Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo các tuyến ống cấp nước, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp kéo giảm tỷ lệ thất thoát trên toàn hệ thống trong năm đạt ở mức thấp nhất.

4. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Nghiên cứu mở rộng hệ thống cấp nước tới các xã: xã Lộc An và xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm; xã Lộc Châu và Đại Lào, Tp. Bảo Lộc; đồng thời nghiên cứu các phương án đầu tư cụm xử lý nước mặt dự phòng nhằm đảm bảo an ninh cấp nước, bảo vệ môi trường và phù hợp với chủ trương chung của Nhà Nước về hạn chế sử dụng nước ngầm.
- Tiếp tục thực hiện 02 dự án trọng điểm của Tỉnh Lâm Đồng bao gồm: Dự án “Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc” và Dự án “Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Bảo Lộc”.
- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn, bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt. Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra, ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước.
- Hệ thống cung cấp từ nhà máy khai thác nước ngầm nên không có khả năng nâng công suất khai thác đồng thời theo đánh giá trữ lượng nước ngầm hiện nay chiều hướng chung sụt giảm nhiều trong những năm gần đây và không bền vững, khó kiểm soát. Tình trạng khoan khai thác không có sự quản lý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đã làm gây ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước dẫn tới suy giảm hụt mực nước ngầm. Do đó yêu cầu cấp thiết là cần nghiên cứu sử dụng nguồn nước mặt dự phòng cho nguồn nước ngầm đảm bảo an ninh cấp nước của Tp. Bảo Lộc, đồng thời đảm bảo chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Nhà Nước.

5. Các rủi ro

- Một số các trạm bơm khai thác mực nước ngầm hạ thấp, mất nước phải ngưng hoạt động, tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến xấu, vào mùa khô các giếng khoan trong dân đã cạn kiệt gây nên áp lực lớn về nhu cầu sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, việc chỉ sử dụng một nguồn nước ngầm cũng chưa đảm bảo an toàn cấp nước nếu có sự biến đổi khí hậu, suy giảm nguồn nước ngầm.
- Các ống nhánh khách hàng trước đây chủ yếu sử dụng ống STK nay đến thời điểm bị rỉ sét, mục nát đồng loạt bẽ vỡ gây thất thoát nước và dẫn đến chi phí sửa chữa cải tạo tăng cao.
- Trong quá trình triển khai thi công một số công trình nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thị, xây dựng các công trình hạ tầng ngầm của Thành phố, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công còn thiếu sự phối hợp với Công ty, thiếu sự điều tra thăm định chuyên sâu nên khi thi công xảy ra bẽ vỡ đường ống gây thất thoát nước, làm gián đoạn thời gian cấp nước cho khách hàng. Bên cạnh đó chính quyền địa phương các cấp hiện chưa có sự hỗ trợ từ phía các cơ quan hữu quan về mặt chế tài khi xảy ra các sự cố gây hư hỏng mạng cấp nước, gây khó khăn lớn cho Công ty trong việc khắc phục và phối hợp xử lý.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm 2018)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
A	Sản phẩm chủ yếu				
1	Nước sản xuất (trong đó)	m ³	3.443.408	3.455.691	100.36
	- Cty	m ³	2.640.408.000	2.653.160	100.48
	- THA	m ³	803.000	802.531	99.94

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
2	Nước ghi thu	m ³	2.482.806	2,486,592	100.15
3	Tỷ lệ thất thoát	%	28	28,044.0	0.04
4	Tỷ lệ tồn thu	%	<1%	<1%	<1%
5	KH phát triển mới	Hộ	900 - 1000	989	100.00
6	Kiểm định ban đầu	Cái	1.500	1,000	0.67
7	Kiểm định TLK định kỳ	Cái	4.000	4,000	1.00
8	Thay ĐH	Cái	600	229	0.38
B	Tài chính - Doanh thu				
1	Giá thành tiêu thụ SXCN	Đ/m ³	8.385	8,314	-71.00
2	Giá bán bình quân SXCN	Đ/m ³	8.985	9,014	29.00
3	Doanh thu SXCN	Đồng	22,308,011,910	22,413,863,144	100.47
4	Doanh thu ổng nhánh cấp 3, tài chính, DT khác	Đồng	1,500,000,000	2,931,566,508	195.44
5	Doanh thu thuê bao TLK	Đồng	15,000,000	18,872,724	125.82
6	Cộng doanh thu	Đồng	23.823.011.910	25.364.302.376	106.47
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	1,569,700,794	3.486.013.583	222.08
	- Lợi nhuận của nước sạch	“	1,489,683,600	1,517,383,795	101.86
	- Lợi nhuận XDCB, ổng cấp 3, khác	“	80,017,194	183,198,404	228.95
	-Thuê bao TLK	“		14,541,369	
	- Khác (Thanh lý tài sản, cổ phiếu)	“		1,770,890,015	
C	Tỷ lệ chia cổ tức	%	4	4	
D	Quỹ lương kế hoạch người LĐ SX nước	Đồng	4,873,000,000	5.013.000.000	102.9
1	Số lao động SX nước bình quân	Người	69	69	100.0
2	Thu nhập bình quân của người lao động	Đ/n/th	5,885,266	6,054,348	102.9
3	Thu nhập bình quân thực tế người lao động	Đ/n/th		6,255,000	
4	Quỹ lương kế hoạch của người quản lý	Đồng	768,000,000	808,000,000	105.2
5	Thù lao HĐQT, BKS	Đồng/m	216,000,000	216,000,000	100.0
E	Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn	Đồng	4,204,000,000	2,182,816,998	51.9
I	Lắp đặt mới ổng cấp nước D100 (D50)	Đồng	2,000,000,000	953,454,614	47.7
1	Tuyến ổng cấp nước hẻm 70-80 Đinh.T.Hoàng	Đồng		171,164,000	
2	Tuyến ổng cấp nước hẻm 79 Nguyễn.B.Khiêm	Đồng		26,002,544	
3	Tuyến ổng cấp nước hẻm 177 Nguyễn.V.Cừ	Đồng		116,264,250	
4	Tuyến ổng cấp nước hẻm 39 Tô Hiệu	Đồng		22,558,082	
5	Trụ chữa cháy và tuyến ổng (UBNDTPBL)	Đồng		47,378,149	
6	Tuyến ổng cấp nước hẻm 177 Lý Thường Kiệt	Đồng		150,574,260	
7	Tuyến ổng cấp nước hẻm 01/2 Nguyễn.C.Trứ	Đồng		82,733,306	
8	Tuyến ổng cấp nước hẻm 33 đường 1 tháng 5	Đồng		89,083,490	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ %
9	Ông cấp nước đường Nguyễn Hữu Chinh	Đồng		93,267,000	
10	Tuyến ống cấp nước đường Lý Chiến Thắng	Đồng		30,174,000	
11	Tuyến ống cấp nước hẻm 164 Hà Giang	Đồng		36,696,347	
12	Tuyến ống cấp nước hẻm 91 Hà Giang	Đồng		52,923,276	
13	Tuyến ống cấp nước hẻm 39 Yên Thế	Đồng		34,635,910	
II	Lập báo cáo chuẩn bị đầu tư dự án mở rộng hệ thống cấp nước Bảo Lộc	Đồng	1,000,000,000	0	0.0
III	Cải tạo tuyến ống STK, sửa chữa bể vỡ	Đồng	250,000,000	764,892,791	306.0
1	Cải tạo ống cấp nước hẻm 15 Hồng Bàng	Đồng		7,867,351	
2	Cải tạo ống cấp nước hẻm 19 Hồng Bàng	Đồng		44,439,000	
3	Cải tạo ống cấp nước hẻm 76 Nguyễn Văn Trôi	Đồng		11,724,424	
4	Cải tạo ống cấp nước 96 Nguyễn T.M. Khai	Đồng		34,945,711	
5	Cải tạo ống cấp nước đường Lê Hồng Phong	Đồng		37,838,468	
6	Cải tạo ống cấp nước đường Nguyễn Công Trứ	Đồng		25,527,113	
7	Cải tạo ống cấp nước hẻm 22 Lý Tự Trọng	Đồng		98,239,339	
8	Sửa chữa ống bể vỡ tháng 1+2+3+4	Đồng	Chiết tính vật tư	0	
9	Sửa chữa ống bể vỡ tháng 5+6	Đồng		92,046,985	
10	Sửa chữa ống bể vỡ tháng 7+8+9	Đồng		74,723,147	
11	Sửa chữa ống bể vỡ tháng 10+11+12	Đồng		337,541,253	
IV	Sửa chữa mạng lưới cấp nước	Đồng	350,000,000	231,344,593	66.1
1	Sửa chữa mạng lưới cấp nước, Lắp đặt & di dời sửa chữa van giảm áp (200,000,000) áp, Lắp đặt đồng hồ + vật tư phụ đầu nối chống TT (150,000,000)	Đồng		231,344,593	
V	Sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn	Đồng	604,000,000	233,125,000	38.6
1	Thay bổ sung cát, vật liệu lọc, chụp lọc trạm 2,3,8,9,12,14,15,16,18	Đồng	270,000,000	59,400,000	
2	Bổ sung hạt xúc tác trạm bơm G9, G12	Đồng		39,600,000	
3	Thay van D 150 cụm xử lý G3	Đồng		56,954,000	
4	Sơn sửa hàng rào, nhà trạm, bồn xử lý nước, công nghệ trạm bơm	Đồng	100,000,000	0	
5	Bảo dưỡng MBC, tủ điện, ống giếng	Đồng	180,000,000	77,171,000	
6	Thay máy châm clo	Đồng	54,000,000	0	

- Hiện nay Công ty cung cấp khoảng 53% cho khu vực nội thị trong thành phố nên để nâng cao hiệu quả trong sản xuất nước thì trước mắt Công ty đang hoàn thiện và mở rộng phạm vi của hệ thống cấp nước hiện có nhằm phát huy hết hiệu quả của hệ thống và cung cấp nước đầy đủ cho nhân dân. Công ty đã hoạt động được hơn 47 năm, tuy nhiên hệ thống cấp nước mới được mở rộng cải tạo vào năm 2002. Nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng ngày càng nhiều nhưng không tập trung nên chi phí đầu tư cho 1 khách hàng khá cao mà Công ty là Công ty Cổ phần nên nguồn vốn đầu tư hệ thống hạng mục cấp nước hạn chế (ưu tiên đầu tư hệ thống cấp nước cho khu vực trung tâm và sử dụng nước liên tục, thường xuyên). Nên việc giữ vững uy tín với khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong tương lai.
- Kể từ khi đi vào Cổ phần 2/2008 đến nay Công ty đã có nhiều cố gắng tập trung nâng công suất Sản xuất nước từ 7.500m³/ngày/đêm đến 31/12/2018 đạt khoảng 13.000 m³/ngày/đêm.
- Nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra Tuy nhiên Tỷ lệ thất thoát tăng so kế hoạch do trong năm thành phố tiến hành thi công làm một số tuyến đường trong nội thị nên trong quá trình thi công có làm bể vỡ ống cấp nước. Mặt khác hệ thống ống phân phối làm từ 5-10 năm đã mục nát cũng làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	TH Năm 2018	% Tăng giảm(so KH)
Doanh thu thuần	23.823.011.910	25.364.302.376	+ 6,47%
Lợi nhuận trước thuế	1.569.700.794	3.486.013.583	+ 122,08%
Lợi nhuận sau thuế	1.255.760.635	2.788.936.739	+222,09%
Cổ tức (%)	4	4	0%

Lợi nhuận năm 2018 tăng so với năm 2017 nguyên nhân phân lợi nhuận khác tăng do trong năm 2018 thoái vốn cổ phần của công ty cổ phần cấp nước và xây dựng Di Linh, thanh lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất. Riêng phần lợi nhuận sản xuất kinh doanh ổn định.

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Danh sách Ban Điều Hành:

✦ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ Tịch HĐQT Công ty:

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969
 Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
 Địa chỉ thường trú: 2A/7 Đội Cán, P.Lộc Sơn, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 06/1992 : Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình Công cộng Bảo Lộc

- 07/1992 – 02/2008 : Kế toán Nhà máy cấp nước Bảo Lộc TX Bảo Lộc thuộc Cty TNHH Cấp thoát nước Lâm Đồng .
- 03/2008 – 5/2014 : Kế toán Trưởng Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc
- 06/2014 – T10/2016 : Phó giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc.
- 11/2016 – Đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 8.500 cổ phần, chiếm 0,31% tổng số cổ phần của Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 1.435.210 CP, chiếm 53.16% tổng số cổ phần của Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 3.000 cổ phần
 - ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% VDL

– Ông Nguyễn Quốc Tuyền – Phó Chủ Tịch HĐQT – Giám đốc Công ty:

Họ và tên: Nguyễn Quốc Tuyền

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/01/1979

Nơi sinh: Bảo Lộc – Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 80 Phan Đăng Lưu - TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sĩ khoa học

Tóm tắt quá trình công tác:

- Tháng 4/2001 -5/2004: Kỹ sư giám sát công trường, Kỹ sư trưởng – Dự Án Hàm Đường Bộ Hải Vân – Liên doanh Tập Đoàn HAZAMA (Nhật Bản) và CIENCO 6 (Việt Nam), Chủ Tịch Công Đoàn Bộ phận Xây dựng

- Tháng 9/2004 – 9/2006 : Học thạc sĩ - Trường Đại Học Liege – Vương Quốc Bỉ.

- Tháng 9/2016 – 11/2010 : Phó Giám Đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng HPK - Tổng Công ty Vật tư nông nghiệp – Bộ NN & PTNN

- Tháng 4/2007 – 3/2014 : Giảng Viên - Khoa Xây dựng và cơ học ứng dụng, Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp Hồ Chí Minh

- Tháng 5/2010 – 3/2014 : Nghiên cứu sinh Tiến Sĩ – Học Viện Kỹ Thuật Quốc Gia Grenoble – Cộng Hòa Pháp

- Tháng 5/2014 – 11/2016 : Chuyên viên, Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý đô thị, UBND thành phố Bảo Lộc

- Tháng 11/2016 – t 5/2017: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.

- Tháng 6/2017 –đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Phó Chủ tịch HĐQT- Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: 615.090 CP chiếm 22.78% số cp Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

– Ông Võ Thành Y – Thành viên HĐQT:

Họ và tên: **Võ Thành Y**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1957

Nơi sinh: Yên Thành – Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 33 Đinh Tiên Hoàng, P.2, TP.Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 04/1982 – 06/1991 : Nhà máy nước Bảo lộc – huyện Bảo Lộc .
- 07/1992 – 02/2008 : Giám đốc Nhà máy cấp nước Bảo lộc TX Bảo Lộc
- 03/2008 – 05/2017 : Giám đốc Cty CP Cấp thoát nước và XD bảo lộc.
- 06/2017 – Đến nay: Nghi hưu

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 10.900 cổ phần chiếm 0.40 % tổng số cổ phần của Công ty
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan:
- Phan Thị Trâm (vợ) : 5.400 cp chiếm 0.2% tổng số cổ phần của Công ty.
- Võ Thành Nam (con trai): 7.300 cp chiếm 0.27% tổng số CP của Công ty.

- Võ Thị Thái Thanh (con gái) : 7.000 CP 0.26% tổng số cổ phần của Công ty.

– Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa – Thành viên HĐQT:

Họ và tên: Nguyễn Đồng Anh Khoa
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 06/05/1986
 Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Công Thành, Yên Thành, Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: Lô 22BB Khu QH Hà Giang, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tài Nguyên Nước

Tóm tắt quá trình công tác:

- 05/2010 – 09/2017 : Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Tp.HCM
- 09/2017 – nay: CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên Phòng KH - KT, Thành viên HĐQT Công ty - Phó Bí Thư Chi đoàn thanh niên.

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

– Bà Nguyễn Thị Thu Trúc – Thành viên HĐQT:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Trúc
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 19/10/1980
 Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú: 268/3 Hoàng Văn Thụ, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 11/2002 – nay: CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 3.400 cổ phần, chiếm 0.13% tổng số cổ phần của công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

↓ **BAN KIỂM SOÁT**

- Bà: Trần Thị Nga – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty:

Họ và tên: Trần Thị Nga
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981
 Nơi sinh: Nghệ An
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dn tộc: Kinh
 Nguyên quán: Yên Thành – Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: 53/35 Đinh Tiên Hoàng TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
Tóm tắt quá trình công tác:

- 2008 – 2009 : Làm văn thư Công ty
- 2009 – 2010 : Làm Thủ quỹ Công ty.
- 2011 – T9/2016: Nhân viên phòng Kế toán
- T10/2016 – T10/2017: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư
- T11/2017 – nay: TP. Hành chính - TH

Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng BKS, TP Hành chính - TH.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2500CP chiếm 0.09% cp Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

- Bà Nguyễn Diễm Thủy Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Diễm Thủy Dung
 Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/06/1989
Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Nam Định.
Địa chỉ thường trú: 69 Trần Cao Vân, P. Lộc Tiến, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá : 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác:

- 2013 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

– Ông Lê Ngọc Vân – Thành Viên Ban Kiểm Soát:

Họ và tên: Lê Ngọc Vân
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 05/03/1955
Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú: 2/17 Lộc Sơn TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.
Trình độ Văn hoá : 12//12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Tóm tắt quá trình công tác:

- 1978 – 1980 : Chuyên viên Bộ Tài chính TP Hồ Chí Minh
- 1981 – 1993: Kế toán trưởng Công ty Thi Công Cơ giới Lâm Đồng.
- 1994 – 2004: Trưởng phòng Tài chính Kế Hoạch Huyện Bảo Lâm - Lâm Đồng.
- 2005 – 2011: Phó Chủ tịch UBND Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- 2012 – 2015: Trưởng Ban dân vận Huyện Bảo Lâm – Lâm Đồng.
- T4/2015- đến nay: Nghỉ hưu

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên BKS Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:	
• Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:	Không.
• Các khoản nợ đối với công ty:	Không.
• Số cổ phần sở hữu:	Không
• Số cổ phần đại diện:	Không
• Tổng số cổ phần của những người có liên quan:	Không.

➤ KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Bà Nguyễn Thị Thư Trúc – Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính- Kế toán Công ty (bổ nhiệm từ ngày 06 tháng 06 năm 2014)

➤ BAN GIÁM ĐỐC

- Ông Nguyễn Quốc Tuyển – Phó Chủ Tịch HĐQT – Giám đốc Công ty (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 06 năm 2017)
- Ông Nguyễn Hữu Kiên – Phó Giám đốc Công ty (bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 11 năm 2018)

➤ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

b) Những thay đổi trong Ban điều hành.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua Nghị Quyết 133/NQ-DHCD ngày 25/05/2018, trong đó thông qua việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2022 với danh sách trúng cử các chức danh như sau:

- **HĐQT Công ty gồm có 05 thành viên :**
 - + **Thành viên không trực tiếp làm việc tại Công ty:**
 - Ông : Võ Thành Y : Thành viên HĐQT
 - + **Thành viên trực tiếp làm việc tại Công ty**
 - Ông : Nguyễn Trọng Hiếu : Chủ Tịch HĐQT Công ty
 - Ông : Nguyễn Quốc Tuyển: Phó Chủ Tịch HĐQT – Giám Đốc Công ty
 - Bà Nguyễn Thị Thư Trúc: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
 - Ông: Nguyễn Đồng Anh Khoa : Thành viên HĐQT .
- **Ban kiểm soát gồm có:**
 - + **Thành viên không trực tiếp làm việc tại Công ty:**
 - Ông : Lê Ngọc Vân: Thành viên BKS.
 - + **Thành viên làm việc tại cty:**
 - Bà Trần Thị Nga: Trưởng ban kiểm soát Công ty.
 - Bà Nguyễn Diễm Thủy Dung: Thành viên BKS

Căn cứ nhu cầu quản lý của Công ty, vào 10/2018 Ban Giám đốc đề xuất 01 đồng chí trình HĐQT bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc. Đến 01/11/2018, HĐQT bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Hữu Kiên giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

c) Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách với người lao động.

Năm 2018 Công ty có tổng số 85 CBCNV, trong đó có 61 nam và 24 nữ, có 70 người hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 15 người hợp đồng lao động xác định thời hạn. Với đội ngũ CBCNV như trên kết hợp với tinh thần đoàn kết nên đã góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. Từ đó tư tưởng, đời sống thu nhập của CBCNV trong Công ty tương đối ổn định, yên tâm công tác để xây dựng và phát triển Công ty, môi trường làm việc từng bước được cải thiện, CBCNV chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách Pháp Luật của Nhà Nước, nội quy, quy chế Công ty.

Tiếp tục thực hiện tốt đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như: nâng lương, học và thi nâng bậc, tham gia BHXH, BHYT, BHTN, khám bệnh định kỳ, tham quan nghỉ dưỡng, bảo hộ lao động, và chế độ chính sách khác theo đúng pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Đời sống tinh thần, vật chất, việc làm, thu nhập của người lao động luôn được quan tâm và từng bước được nâng lên.

Trong năm 100 % CBCNV được khám bệnh định kỳ theo quy định.

Các tổ chức đoàn thể: bao gồm các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Chi hội Cựu chiến binh đã tích cực tham gia vào các phong trào thi đua lao động giỏi, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Từ đó các tổ chức đoàn thể Công ty đã được cấp trên đánh giá và công nhận là Tổ chức đoàn thể vững mạnh và vững mạnh toàn diện.

Tổng kết các phong trào thi đua lao động sản xuất năm 2018 Công ty đã bình bầu và chọn ra được: 49 cá nhân lao động tiên tiến, 27 cá nhân được tặng giấy khen, 09 cá nhân đạt CSTĐCCS, 03 tập thể đạt lao động tiên tiến, 03 tập thể được tặng giấy khen. Giới thiệu và kết nạp được 02 lao động Nam vào Đảng.

Ngoài các phong trào thi đua lao động giỏi, Công ty còn thực hiện tốt công tác vận động Người lao động tự nguyện tham gia công tác xã hội từ thiện trong năm 2018 đã ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ người khuyết tật hơn 22 triệu đồng. Thăm viếng đám ma tứ thân phụ mẫu của CBCNV với số tiền hơn 80 triệu đồng (từ quỹ đóng góp 100,000 đ/ng/thg)

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

a) Công ty có kế hoạch chuẩn bị cho 02 dự án trọng điểm:

- Dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sinh hoạt và cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc (nguồn vốn ODA Đan mạch) Dự kiến thực hiện dự án từ 2018 đến hết năm 2020, Dự án đi vào khai thác đầu năm 2021.

Mục tiêu dài hạn:

+ Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm đáp ứng kịp thời mục tiêu xây dựng thành phố Bảo Lộc hiện đại, có đặc trưng riêng của thành phố cao nguyên (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, nhiệm kỳ 2016-2020; đến năm 2020 thành phố Đà Lạt và vùng phụ

cận cơ bản đủ tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương và hướng đến đô thị thông minh, thành phố Bảo Lộc đạt tiêu chí đô thị loại II).

+ Nâng cấp cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước sạch của thành phố Bảo Lộc giúp giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân trên địa bàn thành phố, góp phần cải thiện điều kiện sống, nâng cao sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực thành phố Bảo Lộc nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung.

Mục tiêu ngắn hạn:

+ Giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân từ 26,5% năm 2017 xuống 16,5% vào năm 2020.

+ Tăng tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ 53% lên 90% - 100% và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, đáp ứng nhu cầu dùng nước đạt 120l/người/ngày đêm.

+ Kiểm soát toàn bộ mạng lưới cấp nước về áp lực, lưu lượng và thất thoát, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn cấp nước, ổn định và đáp ứng nhu cầu cho người dân

- Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực trung tâm Thành phố Bảo Lộc, với công suất 10.000m³/24giờ theo 2 giai đoạn, công suất giai đoạn I: 5.000m³/24 giờ

Mục tiêu dài hạn:

+ Cải thiện môi trường đất, bảo vệ chất lượng nước ngầm và nước mặt không bị ô nhiễm;

+ Cải thiện môi trường sống cho người dân đô thị và cộng đồng;

+ Giảm thiệt hại do tình trạng ô nhiễm môi trường kéo dài;

+ Tăng thu nhập từ nguồn thu từ du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nước ngoài vào thành phố Bảo Lộc;

+ Góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa của thành phố Bảo Lộc để Thành phố sớm trở thành một thành phố phát triển toàn diện, bền vững.

+ Cải thiện khẩn cấp nguy cơ ô nhiễm môi trường do nguồn nước thải tại khu vực tập trung đông dân cư gây ra.

+ Đáp ứng ngay nhu cầu phát triển hạ tầng của thành phố với mục tiêu phát triển nhanh, nhưng bền vững và thân thiện với môi trường.

Mục tiêu ngắn hạn:

Nhằm đáp ứng nhu cầu theo quy hoạch phát triển thành phố Bảo Lộc đến năm 2025 và dự báo lưu lượng nước thải tính toán giai đoạn 2015-2020 lưu lượng thu gom, xử lý nước thải khu trung tâm thành phố Bảo Lộc có công suất giai đoạn 1 là 5.000m³/ngđ, giai đoạn 2 có công suất là 10.000m³/ngđ

b) Đầu tư dự án “Cụm xử lý nước mặt cấp nước dự phòng của Tp. Bảo Lộc”:

+ Nguồn nước dự kiến: nguồn nước mặt hồ Nam Phương Thượng.

+ Dự kiến công suất: khoảng 2.500 ÷ 3.000 m³/ngđ

+ Mục tiêu thực hiện: đảm bảo chủ trương hạn chế sử dụng nước ngầm và đảm bảo an ninh cấp nước cho Tp. Bảo Lộc.

c) Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sạch và xây dựng chiến lược phát triển Công ty, bảo toàn và phát triển vốn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

d) Hoàn thành khoán lương Xí nghiệp Thi công xây lắp trực thuộc Công ty và phân công lao động hợp lý. Cán bộ nhiệt tình và chủ động trong công tác tổ chức quản lý điều hành sản xuất cấp nước cho nhu cầu sử dụng của khách hàng, công nhân lao động chịu khó vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2018:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	34.180.600.152	35.156.051.907	+ 2,85 %
Doanh thu thuần	25.048.285.960	25.363.816.876	+ 1,26 %
Lợi nhuận từ HĐKD	1.935.978.335	2.432.370.804	+ 25,64 %
Lợi nhuận khác	(15.355.357)	1.053.642.779	
Lợi nhuận trước thuế	1.920.622.978	3.486.013.583	+ 81,50 %
Lợi nhuận sau thuế	1.532.738.618	2.788.936.739	+ 81,96 %
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	513	1.033	+ 101,36%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	73,95	84,66
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	26,05	15,34
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	4,01	5,67
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	95,99	94,33
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	6,49	2,71
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,82	1,57
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	13,74	7,73
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	11	6,12
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	9,92	5,62
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,93	4,48
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	8,26	4,48

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2017-2018)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

Cổ phiếu	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2019
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
2	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	Tổng cộng	2.700.000	27.000.000.000	100,00

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	8.500 1.435.210	0,31% 53.16%	Không	Cổ phần Sở hữu Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
02	Võ Thành Y	T. viên HĐQT	10.900	0.41 %	Không	Cổ phần Sở hữu
03	Nguyễn Quốc Tuyến	P.CT HĐQT	615.090	22.78%	Không	Cổ phần sở hữu Nhà nước Ủy quyền
04	Nguyễn Đồng Anh Khoa	T. viên HĐQT	Không	Không	Không	Cổ phần Sở hữu
04	Nguyễn Thị Thu Trúc	T. viên HĐQT	3.400	0,13%	Không	Cổ phần Sở hữu

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm các thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc điều hành, ban Kiểm soát và những người có liên quan không có giao dịch mua, bán chuyển nhượng cổ phiếu.

- Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

+ Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Công ty CP Cấp Thoát Nước và XD Bảo Lộc là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn Nhà nước (theo QĐ của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng số 2081/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 09 năm 2016)

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Công ty được UBND Tỉnh Ủy quyền

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc theo quyết định số 2081/QĐ/UBND ngày 20/09/2016.

Địa chỉ liên lạc: Số 56 Lê Thị Pha – P1 - TP Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng

Nghành nghề kinh doanh:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải; Dịch vụ lưu trú ngắn hạn; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Số CP : 2.050.300 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP.

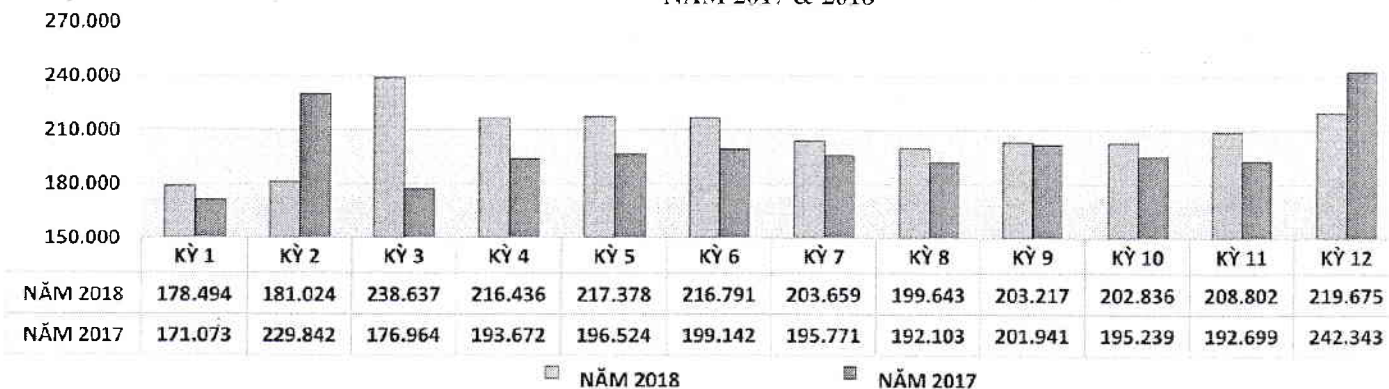
+ Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

+ Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

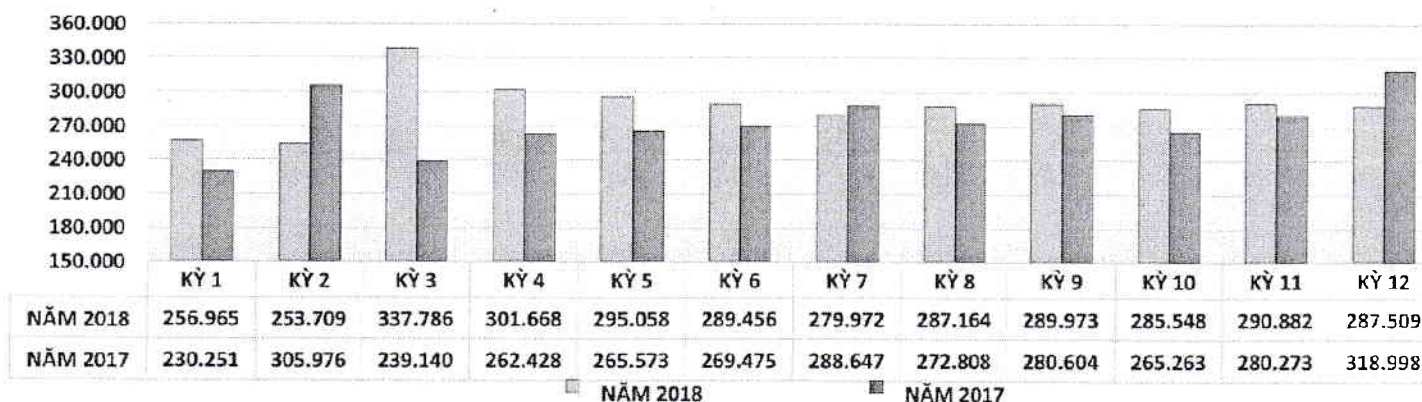
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**TỔNG HỢP LƯỢNG NƯỚC GHI THU HÀNG KỶ TOÀN CÔNG TY
NĂM 2017 & 2018**



TỔNG HỢP LƯỢNG NƯỚC SẢN XUẤT HÀNG KỶ TOÀN CÔNG TY



Thuận lợi:

- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy khối doanh nghiệp, các Sở, ban ngành của Tỉnh Lâm Đồng, sự hỗ trợ đồng thuận cao của chính quyền địa phương thành phố Bảo Lộc, trong công tác phát triển mạng lưới cấp nước, công tác giám sát cộng đồng và xã hội hóa cấp nước. Đặc biệt là sự đoàn kết, sáng tạo của mỗi thành viên trong Hội đồng quản trị, sự nhiệt tình, đoàn kết của toàn thể CBCNV trong Công ty.
- Năm 2018 Công ty có tổng số 85 CBCNV, trong đó có 61 nam và 24 nữ, có 70 người hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 15 người hợp đồng lao động xác định thời hạn. Với đội ngũ CBCNV như trên kết hợp với tinh thần đoàn kết nên đã góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018. Từ đó tư tưởng, đời sống thu nhập của CBCNV trong Công ty tương đối ổn định, yên tâm công tác để xây dựng và phát triển Công ty, môi trường làm việc từng bước được cải thiện, CBCNV chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách Pháp Luật của Nhà Nước, nội quy, quy chế Công ty.

- Bên cạnh đó việc xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp với tốc độ phát triển khu vực, nhất là tính kế thừa mang lại hiệu quả cao trong việc thi công lắp đặt hệ thống mạng lưới tuyến ống cấp III, ống nhánh trên địa bàn đã tạo được sự tăng trưởng ổn định về sản lượng và doanh thu.

Khó khăn:

- Năm 2018 tình hình kinh tế của cả nước đã có sự phát triển. Tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn gặp một số khó khăn nhất định, tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn TP Bảo Lộc còn chậm, nhiều doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, kéo theo nhu cầu sử dụng nước của khách hàng tăng chậm.
- Do đặc thù Doanh nghiệp là Công ty Cổ phần (vốn Nhà nước chi phối sở hữu 76%), nguồn lực tài chính còn hạn chế nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận vay vốn ưu đãi của các tổ chức tín dụng, đã ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư mở rộng và đầu tư chiều sâu để đáp ứng yêu cầu SXKD ngày một gia tăng.
- Các ống nhánh khách hàng trước đây chủ yếu sử dụng ống STK nay đến thời điểm bị rỉ sét, mục nát đồng loạt bể vỡ gây thất thoát nước và dẫn đến chi phí sửa chữa cải tạo tăng cao.
- Trong quá trình triển khai thi công một số công trình nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thị, xây dựng các công trình hạ tầng ngầm của Thành phố, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công còn thiếu sự phối hợp với Công ty, thiếu sự điều tra thăm định chuyên sâu nên khi thi công xảy ra bể vỡ đường ống gây thất thoát nước, làm gián đoạn thời gian cấp nước cho khách hàng. Bên cạnh đó chính quyền địa phương các cấp hiện chưa có sự hỗ trợ từ phía các cơ quan hữu quan về mặt chế tài khi xảy ra các sự cố gây hư hỏng mạng cấp nước, gây khó khăn lớn cho Công ty trong việc khắc phục và phối hợp xử lý.
- Công ty thực hiện hợp đồng mua nước đầu nguồn của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An đồng nghĩa Công ty phải ngưng một số trạm bơm, dẫn tới việc dôi dư lao động không có chỗ bố trí công việc phù hợp mà vẫn phải trả lương.
- Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên, HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đã kịp thời động viên toàn thể CBCNV đoàn kết, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn phấn đấu hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Thực hiện thanh lý quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại 03 trạm giếng và đầu giá cổ phần của Công ty tại Công ty DILIWACO.
- Thành lập Xí nghiệp Thi công xây lắp với quy mô, mô hình dữ nguyên nhân sự, điều chuyển 01 nhân sự kiêm nhiệm hạch toán nhân công tài chính và tiếp tục áp dụng cơ chế khoán lương để tạo động lực, tăng cường ý thức trách nhiệm cho người lao động.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống xử lý nước ngầm tại các trạm bơm, đảm bảo chất lượng và sản lượng nước sản xuất.
- Đầu tư xây dựng các công trình di dời ống cấp nước, các tuyến ống khu dân cư và các tuyến ống cấp 3 mạng xương cá để phát triển mạng cung cấp nước cho khách hàng.

2. Công tác quản lý, kiểm tra nội quy, quy chế.

- Kiểm tra và xác minh các trường hợp khoan giếng là 45 vụ và gửi đơn qua phòng Tài nguyên xem xét, giải quyết 28 vụ do khu vực đó chưa có tuyến ống cấp nước.
- Kiểm tra ATVS lao động và công tác vận hành trạm bơm, kiểm tra nội quy và quy chế của Công ty mỗi tháng một lần, ngoài ra phòng thanh tra và quản lý mạng còn tăng cường kiểm tra, lập biên bản, truy thu tiền vật tư và nước thất thoát do xâm phạm tới đường ống cấp nước của Công ty.

3. Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm:

- Quản lý vận hành các trạm bơm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, cải tạo, luân chuyển máy bơm cấp I, II tại các trạm bơm nhằm tăng hiệu suất, nâng cao tuổi thọ, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong suốt quá trình vận hành.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng nước và súc xả rửa hệ thống tuyến ống cấp theo định kỳ, hoặc đột xuất, duy trì hoạt động tốt máy nén khí, máy định lượng Clo cho các trạm bơm nhằm nâng cao chất lượng nước. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo cấp nước cho dân ổn định; đảm bảo chất lượng nước cấp tốt nhất:
 - + **Nguồn nước:** Nguồn khai thác dùng cho thành phố hiện nay là nguồn nước ngầm và nguồn nước mặt hồ Nam Phương với tổng công suất thiết kế khoảng **11.300 m³/ngđ**, bao gồm:
 - Tổng cộng có **17 trạm bơm nước giếng** và được phân bố rải rác trên địa bàn thành phố cấp cho mục đích sinh hoạt và các dịch vụ, công cộng. Công suất thiết kế từ **8.500 - 9.500 m³/ngđ**.
 - **Nguồn nước hồ Nam Phương** được đi vào khai thác năm 2016, hiện nay nhà máy đang đảm nhiệm cấp nước cho một phần khu dân cư của thành phố với công suất **2.300 m³/ngđ** và đạt công suất 5.000 m³/ngđ đến năm 2020.
 - + **Quy mô sản xuất:**

Tính đến tháng 12 năm 2018, sản lượng thương phẩm đạt **9.468 m³/ngđ**, tỉ lệ thất thoát toàn hệ thống trung bình năm 2018: **28,04%**.

+ Trữ lượng và chất lượng nước:

Qua kết quả xét nghiệm, phân tích mẫu nước ngầm ở Bảo Lộc chủ yếu là hàm lượng sắt cao và có vi sinh vật, nhiễm ít mangan. Nguồn nước hồ có chất lượng tương đối tốt và ổn định, chủ yếu là hàm lượng cặn lơ lửng. Hai nguồn nước đều đạt tiêu chuẩn làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt.

Định kỳ theo kiểm tra của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Lâm Đồng các mẫu nước sau xử lý đều đạt tiêu chuẩn nước ăn uống của Bộ Y Tế QCVN/01/2009/BYT - Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống;

+ Khả năng cung cấp nước, số lượng khách hàng:

Tính đến tháng 12 năm 2018 số lượng đầu nối: **15.346 khách hàng** tương đương **69.479 người**.

4. Công tác thi công xây dựng cơ bản.

Năm 2018, Công ty với nhiều cố gắng đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản như: Hoàn tất hồ sơ pháp lý, đẩy nhanh tiến độ thi công..., tuy nhiên một số công trình tiến độ thi công còn chậm so với kế hoạch đề ra:

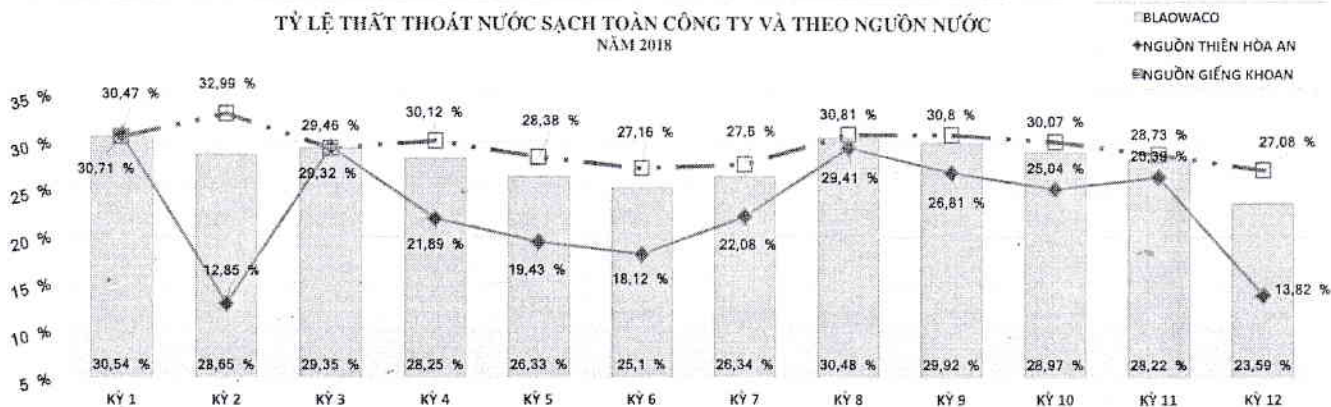
- Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn đạt 52% so với kế hoạch 2018, do một số công trình chưa thực hiện kịp trong năm và chuyển vào kế hoạch SXKD năm 2019.
- Sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đạt 39% so với kế hoạch 2018, nguyên nhân là do công tác sơn sửa hàng rào, nhà trạm không kịp thực hiện, chuyển tiếp vào kế hoạch SXKD 2019.
- Ngoài ra Công ty cũng đã đầu tư thi công lắp đặt các ống xương cá D50, D32, D25 vào các ngõ hẻm xa đường ống cái để mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển thêm khách hàng mới theo yêu cầu và thỏa thuận của các hộ dân, tổ dân phố phường xã

- Ngoài những công trình xây dựng từ nguồn vốn của Công ty, bên cạnh đó Công ty còn chủ động tìm kiếm thêm việc làm từ Trung tâm Tư vấn Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất Bảo Lộc, Công ty Đông Đô, Công ty Licogi, Trung tâm nông nghiệp..... để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

5. Công tác quản lý ghi, thu, chống thất thu, thất thoát nước sạch.

- Thường xuyên tổ chức triển khai công tác kiểm tra khách hàng sử dụng nước, hoặc kiểm tra đột xuất khi có sự biến động về chỉ số đồng hồ tăng - giảm đột biến để tìm nguyên nhân và tránh sự khiếu nại thắc mắc sau này của khách hàng. Chú trọng quan tâm đến những hộ, cơ quan, tổ chức sử dụng nước nhiều khi đồng hồ không nhảy số, có biện pháp xử lý kịp thời nhằm giảm thiểu thất thoát, thất thu nước, hoặc kiểm tra những hộ đã ngưng sử dụng nước tránh tình trạng khách hàng tự ý lấy nước khi đã cắt nước. Trong năm, Phòng Sản xuất kinh doanh, Phòng Kế hoạch kỹ thuật đã thông tin cho Xí nghiệp quản lý thủy lượng kế, kiểm tra, sửa chữa 632 sự vụ (gồm: Hư hỏng, đứt chì quản lý và chất lượng, rò rỉ trước và sau đồng hồ)
- Súc rửa, cân chỉnh và kiểm định định kỳ 4.002 đồng hồ nước, cân chỉnh theo yêu cầu khách hàng và phòng sản xuất kinh doanh 88 trường hợp, thay mới 229 đồng hồ nước.
- Cải tạo thay thế toàn bộ ống dịch vụ STK sang ống HDPE các đường khu vực trung tâm Bảo Lộc: đường Hồng Bàng, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Hồng Phong, Nguyễn Công Trứ, Lý Tự Trọng, di dời cải tạo đường ống cấp nước STK tại các ngõ hẻm, tiến tới thay đổi triệt để chủng loại vật tư, lắp đặt mới ống nhánh khách hàng từ ống STK sang ống HDPE. Theo thống kê số điểm bể do nguyên nhân mục ống chiếm khoảng 53 % tổng số điểm bể của công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức triển khai công tác kiểm tra và điều hòa áp lực mạng vào giờ thấp điểm, hạn chế phần nào về bể ống, giảm thất thoát, thất thu nước sạch. Kiểm soát áp lực bằng cách lắp đặt và điều áp bằng van điều áp mang lại hiệu quả cao:
 - + Qua kiểm tra hiện trường và phân tích kết quả áp lực tại một số khu vực có áp lực cao dọc tuyến đường Trần Phú, tiến hành lắp đặt và kiểm soát các vị trí có áp lực cao; vị trí cuối nguồn lúc 14 giờ sau khi điều tiết đa phần đều kéo giảm 2-3 bar so với ban đầu:
 - Van giảm áp D150 (Đại học Tôn Đức Thắng): **3,5 bar**
 - Van giảm áp D150 (Khu Bảo Lộc Capital): **3,8 bar**
 - Van giảm áp D100 (Bệnh viện mới): **3,5 bar**
 - Van giảm áp D150 (Đường 1/5): **4 bar**
 - + Việc kiểm soát áp lực giúp giảm nhanh lượng bể vỡ, tạo cơ sở cho việc thực hiện các công tác kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước trong năm 2018. Thực tế thể hiện qua việc kéo giảm khá ổn định tỷ lệ thất thoát trong quý 2,3 năm 2018.
- Định kỳ thực hiện công tác dò tìm ống bể vỡ vào ban đêm từ 0 giờ đến 5 giờ, đã phát hiện được nhiều vị trí bể ngầm trong mương thoát, hố ga. Sau khi được phát hiện và khắc phục xong kết quả ổn định toàn bộ mạng lưới cấp nước (giảm thiểu tối đa các khu vực nước thiếu, yếu). Trong năm 2018, Công ty đã sửa chữa kịp thời **467 điểm bể** (Khu vực tập trung các điểm bể hiện thuộc các phường Lộc Sơn, Phường 1,2 và Blao, trong đó nổi bật là P. Lộc Sơn)

TỶ LỆ THẤT THOÁT NƯỚC SẠCH TOÀN CÔNG TY VÀ THEO NGUỒN NƯỚC
NĂM 2018



- Tỷ lệ TTN (thất thoát nước) của Công ty trung bình năm 2018 là 28,04% gần đạt kế hoạch năm 2018 là <28%, trung bình lượng nước thất thoát của Công ty 09 tháng đầu năm 2018 là 2.680 m³/ngày.

6. Công tác quản lý điều hành Công ty.

- Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội Công đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM và Đại hội Hội Cựu chiến binh Công ty.
- Tổ chức sắp xếp lại các phòng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty và đã thực hiện xong công tác khoán lương tại Xí nghiệp Thi công xây lắp.
- Hoàn thành việc chuyển đổi bậc, thang bảng lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty.

7. Công tác hợp tác Quốc tế.

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức quản lý Nhà nước, các cấp Chính quyền và các tổ chức tài chính nước ngoài để triển khai:

- Dự án “Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Bảo Lộc”.
- Dự án “Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải trung tâm Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Giai đoạn I: công suất 5.000 m³/ng.đ”.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết Đại hội Cổ Đông năm 2018 của Công ty như sau:

- + Sản lượng nước sản xuất: **3.455.691 m³**.
- + Sản lượng nước ghi thu: **2.486.592 m³**.
- + Tỷ lệ thất thoát: **28,04%**.
- + Tỷ lệ tồn thu: **0,33%**
- + Tổng doanh thu: **25.364.302.376 VNĐ**.
- + Tổng lợi nhuận trước thuế: **3.486.013.583 VNĐ**.
- + Quỹ lương kế hoạch người LĐ SX nước: **5.013.000.000 VNĐ**.
- + Quỹ lương BPQL: **808.000.000 VNĐ**.
- + Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn: **2.182.816.998 VNĐ**.

Các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch năm 2018, riêng chỉ tiêu về tỷ lệ thất thoát nước chưa đạt, đề nghị trong thời gian tới cần có kế hoạch nhanh chóng kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước của Công ty trong năm 2019.

- Về công tác điều hành quản lý công ty, HĐQT đánh giá như sau:

- + Mặt thành công: công tác khoán lương đạt hiệu quả tích cực, đặc biệt là khoán lương tại Xí nghiệp Thi công xây lắp.

- + Mặt hạn chế: chưa huy động được lực lượng, mô hình bộ máy hoạt động chưa hiệu quả, đề nghị Ban Giám đốc có phương án thống nhất sắp xếp lại mô hình hoạt động các Phòng, Ban năm 2019 trình HĐQT phê duyệt.
 - + Ban Giám đốc cần nghiên cứu lên kế hoạch tinh giảm lực lượng lao động gián tiếp với tỷ lệ trên lực lượng lao động trực tiếp theo quy định của nhà nước, mạnh dạn hơn trong công tác sắp xếp tinh gọn Phòng ban hướng tới hiệu quả cao nhất, minh bạch rõ ràng xử lý đơn thư thuyên chuyển nhân sự giữa các bộ phận.
- Các kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2019:
- + Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo cấp nước cho người dân ổn định; đảm bảo chất lượng nước cấp tốt nhất; duy trì và đồng thời có kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch trong năm 2019.
 - + Nỗ lực phát triển khách hàng, kiểm tra rà soát lại nhu cầu sử dụng nước, cũng như tăng cường công tác quản lý để giảm giá thành tăng giá bán.
 - + Tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài, mở rộng thêm ngành nghề sản xuất kinh doanh để tạo việc làm, tăng thêm nguồn thu nhập cho người lao động.
 - + Tập trung công tác điều hành, giám sát công tác sản xuất để kịp thời đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế các nguyên nhân làm giảm lợi nhuận. Từng bước xây dựng định mức các chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh (như chi phí điện năng, văn phòng phẩm, thiết bị máy móc vận hành, quần áo bảo hộ lao động, điện thoại, dụng cụ lao động, khám chữa bệnh ...v.v), nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành và tối đa lợi nhuận.
 - + Lập kế hoạch và tập trung các nguồn lực để đảm bảo tiến độ thực hiện 02 Dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố Bảo Lộc mà Công ty được giao trách nhiệm Chủ đầu tư:
 - Dự án “Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Bảo Lộc”.
 - Dự án “Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải trung tâm Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng – Giai đoạn I: công suất 5.000 m³/ng.đ”.
 - + Ban Giám đốc và các Phòng Ban có kế hoạch chi tiết về các vấn đề thúc đẩy tạo động lực sản xuất tập trung thực hiện các công tác: công tác khoán lương cho các bộ phận cần hướng tới công bằng và tạo động lực, ưu tiên các công tác trực tiếp (sản xuất nước và thi công); công tác thi tay nghề; công tác xây dựng thang bảng lương theo vị trí việc làm.
 - + Tìm kiếm nguồn nước cấp mới nhằm dự phòng cho nguồn nước ngầm đang khai thác cũng như đảm bảo an ninh cấp nước của Tp. Bảo Lộc.
 - + Tiếp tục thực hiện các công tác đề xuất điều chỉnh giá nước và thoái vốn nhà nước theo quy định của Chính phủ.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ nhất)	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ hai)	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
5800563106 (Điều chỉnh lần thứ ba)	Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi

trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (0263) 3864 073

Fax : (0263) 3711 608

Mã số thuế : **5800563106**

Công ty có hai (02) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Xí nghiệp Thi công xây lắp	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Tuyền	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Võ Thành Y	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Độ	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Diễm Loan	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Nga	Trưởng ban	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Vũ Văn Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Ngọc Vân	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Diễm Thùy Dung	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quốc Tuyền	Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Kiên	Phó Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Kế toán trưởng	bổ nhiệm từ ngày 25 tháng 5 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9,159,906,996	5,243,080,984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1,491,398,739	1,349,169,983
1 Tiền	111		1,491,398,739	1,349,169,983
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,500,000,000	-
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.500.000.000	-

III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,775,189,531	1,687,517,664
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1,065,820,031	439,909,706
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	260,272,727	-
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1,458,296,553	1,308,658,748
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9,199,780)	(61,050,790)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2,365,366,263	2,190,708,389
1 Hàng tồn kho	141		2,365,366,263	2,190,708,389
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27,952,463	15,684,948
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	6,359,091	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	21,593,372	15,684,948
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25,996,144,911	28,937,519,168
I. Tài sản cố định	220		23,427,011,605	26,232,190,764
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	23,274,851,605	25,649,182,764
- Nguyên giá	222		52,808,089,196	53,415,757,661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29,533,237,591)	(27,766,574,897)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	152,160,000	583,008,000
- Nguyên giá	228		195,000,000	754,671,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42,840,000)	(171,663,000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	21,948,399	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21,948,399	-
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	-	300,000,000
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	300,000,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2,547,184,907	2,405,328,404
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2,524,946,257	2,389,546,502
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22,238,650	15,781,902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		35,156,051,907	34,180,600,152

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300			1,410,481,094	1,937,232,216
I. Nợ ngắn hạn	310			1,410,481,094	1,937,232,216
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	16		-	310,201,080
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17		-	293,000,000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18		673,627,245	454,510,106
4 Phải trả người lao động	314			443,305,341	289,982,151
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19		111,193,253	78,909,512

6	Phải trả ngắn hạn khác	319	20	134,301,982	383,559,956
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	48,053,273	127,069,411
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33,745,570,813	32,243,367,936
I.	Vốn chủ sở hữu	410	22	33,745,570,813	32,243,367,936
1	Vốn cổ phần	411	22.2	27,000,000,000	27,000,000,000
2	Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,578,413,446	1,578,413,446
3	Quỹ đầu tư phát triển	418		1,944,184,290	1,796,850,428
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3,222,973,077	1,868,104,062
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		434,036,338	335,365,444
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421b		2,788,936,739	1,532,738,618
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		35,156,051,907	34,180,600,152

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23.1	25,364,302,376	25,053,314,760
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		485,500	5,028,800
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		25,363,816,876	25,048,285,960
4 Giá vốn hàng bán	11	24	15,793,369,111	15,665,078,389
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,570,447,765	9,383,207,571
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	23.2	199,913,356	20,266,804
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	25	5,063,296,699	4,821,791,492
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2,274,693,618	2,645,704,548
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,432,370,804	1,935,978,335
11 Thu nhập khác	31	27	1,278,614,730	18,444,000
12 Chi phí khác	32	27	224,971,951	33,799,357
13 Lợi nhuận khác	40	27	1,053,642,779	(15,355,357)

14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,486,013,583	1,920,622,978
15	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29.1	703,533,592	359,516,726
16	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.3	(6,456,748)	28,367,634
17	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		2,788,936,739	1,532,738,618
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			1.033	513
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu			1.033	513

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.					
1	Lợi nhuận trước thuế	01		3,486,013,583	1,920,622,978
2	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2,318,901,944	2,691,210,617
-	Các khoản dự phòng	03		(51,851,010)	10,021,880
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,267,262,486)	(5,266,268)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4,485,802,031	4,616,589,207
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,159,179,281)	1,281,701,305
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(174,657,874)	235,212,224
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(385,179,704)	(2,021,037,334)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(141,758,846)	(467,312,459)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(631,451,622)	(380,878,845)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(215,182,276)	(417,938,728)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,778,392,428	2,846,335,370
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,052,536,454)	(1,788,096,865)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,880,000,000	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,500,000,000)	-
4	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		300,000,000	-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,327,756	20,266,804

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(353,208,698)	(1,767,830,061)
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,282,954,974)	(895,776,438)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,282,954,974)	(895,776,438)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		142,228,756	182,728,871
Tiền đầu năm	60	4	1,349,169,983	1,166,441,112
Tiền cuối năm	70	4	1,491,398,739	1,349,169,983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau:

GCNĐKDN điều chỉnh số

Ngày

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ nhất)

Ngày 24 tháng 6 năm 2011

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ hai)

Ngày 12 tháng 6 năm 2015

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ ba)

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có hai (02) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

Tên

Địa chỉ

Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế

số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Xí nghiệp Thi công xây lắp

số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 85 người

(ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 92 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2. *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2. *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3. *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3. *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ và hàng hóa
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính.

3. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

4. **Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	33 năm

4. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4. **Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ thuê bao;
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung.

4. **Các khoản đầu tư**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được thực hiện theo kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn vào chi phí hàng năm.

3. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

3. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phân ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	99,230,632	190,931,221
Tiền gửi ngân hàng	1,392,168,107	1,158,238,762
TỔNG CỘNG	1,491,398,739	1,349,169,983

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Bảo Lộc có thời hạn ba tháng, hưởng lãi suất từ 5,5% một năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trung tâm Phát triển Quỹ đất Bảo Lộc	206,187,000	206,187,000
Công ty Cổ phần Licogi 16	483,994,800	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	375,638,231	233,722,706
TỔNG CỘNG	1,065,820,031	439,909,706

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9,199,780)	(61,050,790)
------------------------------------	-------------	--------------

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Watech	260,272,727	-
TỔNG CỘNG	260,272,727	-

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	1,396,795,488	1,182,875,916
Ký quỹ, ký cược	-	42,901,662
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	57,150,000	59,400,000
Thuế Thu nhập cá nhân còn phải thu	3,434,570	22,986,059

Phải thu khác	916,495	495,111
TỔNG CỘNG	1,458,296,553	1,308,658,748

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ (*)				
Công ty TNHH Quốc Minh	-	-	14,554,000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Đạ Tẻh	-	-	13,700,000	-
Khách hàng sử dụng nước	47,059,752	37,859,972	50,768,800	27,993,890
TỔNG CỘNG	47,059,752	37,859,972	79,022,800	27,993,890

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại Thuyết minh số 6.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	61,050,790	51,028,910
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng trong năm	(6,493,710)	10,021,880
Xử lý trong năm	(45,357,300)	-
Số cuối năm	9,199,780	61,050,790

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1,586,157,273	-	1,071,571,968	-
Công cụ, dụng cụ	59,373,960	-	97,200,630	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	719,835,030	-	1,021,935,791	-
TỔNG CỘNG	2,365,366,263	-	2,190,708,389	-

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	10,843,709,049	11,222,673,337	30,890,297,722	459,077,553	53,415,757,661
Xây dựng cơ bản	-	-	295,214,136	-	295,214,136
Thanh lý trong năm	(902,882,601)	-	-	-	(902,882,601)
Số cuối năm	9,940,826,448	11,222,673,337	31,185,511,858	459,077,553	52,808,089,196
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	955,267,862	6,597,454,217	668,394,000	459,077,553	8,680,193,632
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	6,217,980,907	8,531,215,050	12,558,301,387	459,077,553	27,766,574,897
Khấu hao trong năm	541,619,123	455,072,000	1,306,408,488	-	2,303,099,611
Thanh lý trong năm	(536,436,917)	-	-	-	(536,436,917)
Số cuối năm	6,223,163,113	8,986,287,050	14,323,787,428	459,077,553	29,533,237,591
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4,625,728,142	2,691,458,287	18,331,996,335	-	25,649,182,764
Số cuối năm	3,717,663,335	2,236,386,287	16,861,724,430	-	22,815,774,052

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
Nguyên giá:	Quyền sử dụng đất
Số đầu năm	754,671,000
Thanh lý trong năm	(559,671,000)

Số cuối năm	<u>195,000,000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	171,663,000
Hao mòn trong năm	15,802,333
Thanh lý trong năm	(144,625,333)
Số cuối năm	<u>42,840,000</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>583,008,000</u>
Số cuối năm	<u>152,160,000</u>

Tài sản cố định vô hình là Giá trị Quyền sử dụng đất tại Giếng xã Lộc Châu có diện tích 150 mét vuông với thời hạn sử dụng đất đến tháng 10 năm 2043.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng các công trình tuyến ống	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
	21,948,399	-	-
TỔNG CỘNG	21,948,399	-	-

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	
	-	-	3,26%	300,000,000	

Trong năm Công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn góp đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh theo hợp đồng chuyển nhượng số 290A/HĐCNCNP-CNBL ngày 15 tháng 11 năm 2018.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Số cuối năm	Số đầu năm	VND

Ngắn hạn			
	Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6,359,091	-
TỔNG CỘNG		6,359,091	-

Dài hạn		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Chi phí đồng hồ	1,246,995,078	1,346,083,247
	Chi phí ông cấp 3	794,145,386	755,417,599
	Chi phí ông trực chung	483,805,793	288,045,656
TỔNG CỘNG		2,524,946,257	2,389,546,502

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGĂN HẠN

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Gía trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	-	-	310,201,080
TỔNG CỘNG	-	-	310,201,080

Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGĂN HẠN

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
	Gía trị	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	-	-	263,000,000
TỔNG CỘNG	-	-	30,000,000

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Đông Đô 1 - Bộ quốc phòng
 Công ty TNHH Thương mại Trường Bình

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		VND		
		Số đầu năm	Số đã nộp trong năm	
	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm	
	105,963,234	687,165,800	(629,353,417)	163,775,617
	133,244,347	733,070,496	(631,451,622)	234,863,221

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập cá nhân	(15,684,948)	30,000,916	(65,910,256)	(21,593,372)
Thuế Tài nguyên	78,130,212	856,783,536	(870,088,997)	64,824,751
Thuế Nhà đất và Tiền thuế đất	-	3,979,067	(3,979,067)	-
Các loại thuế khác	137,172,313	1,834,633,192	(1,761,641,849)	210,163,656
TỔNG CỘNG	438,825,158	4,145,633,007	(3,962,425,208)	652,033,873
Trong đó				

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	454,510,106			673,627,245
Thuế nộp thừa (*)	15,684,948			21,593,372

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Chi phí trích trước công trình	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	111,193,253	41,193,253	41,193,253
TỔNG CỘNG	111,193,253	37,716,259	78,909,512

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Cổ tức, lợi nhuận phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Kinh phí công đoàn	78,824,456	281,779,430	281,779,430
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54,280,526	101,780,526	101,780,526
TỔNG CỘNG	134,301,982	1,197,000	383,559,956

21. QUỸ KHEN THƯỜNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	VND
	127,069,411	326,360,059	326,360,059

Trích lập trong năm	147,333,862	159,248,080
Sử dụng trong năm	(226,350,000)	(358,538,728)
Số cuối năm	<u>48,053,273</u>	<u>127,069,411</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	27,000,000,000	1,578,413,446	1,637,602,348	1,845,011,604	32,061,027,398
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1,532,738,618	1,532,738,618
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	159,248,080	(318,496,160)	(159,248,080)
Cổ tức được chia	-	-	-	(1,080,000,000)	(1,080,000,000)
Chi thù lao	-	-	-	(111,150,000)	(111,150,000)
Số cuối năm	<u>27,000,000,000</u>	<u>1,578,413,446</u>	<u>1,796,850,428</u>	<u>1,868,104,062</u>	<u>32,243,367,936</u>
Năm nay					
Số đầu năm	27,000,000,000	1,578,413,446	1,796,850,428	1,868,104,062	32,243,367,936
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2,788,936,739	2,788,936,739
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	147,333,862	(294,667,724)	(147,333,862)
Cổ tức được chia	-	-	-	(1,080,000,000)	(1,080,000,000)
Chi thù lao	-	-	-	(59,400,000)	(59,400,000)
Số cuối năm	<u>27,000,000,000</u>	<u>1,578,413,446</u>	<u>1,944,184,290</u>	<u>3,222,973,077</u>	<u>33,745,570,813</u>

22. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ	
Vốn đầu tư của Nhà nước	20,503,000,000	75.94%	20,503,000,000	75.94%	
Vốn góp các cổ đông khác	6,497,000,000	24.06%	6,497,000,000	24.06%	
TỔNG CỘNG	27,000,000,000	100.00%	27,000,000,000	100.00%	

22. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	27,000,000,000	27,000,000,000
Cổ tức đã trả		
Cổ tức đã công bố	1,080,000,000	1,080,000,000
Cổ tức đã trả trong năm	(1,282,954,974)	(895,776,438)

Trong năm, Công ty chia trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền 1.080.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 133/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018.

22. Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu		Cổ phiếu
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2,700,000	2,700,000	2,700,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2,700,000	2,700,000	2,700,000
Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000	2,700,000

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2,700,000	2,700,000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU			<i>VND</i>
23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng doanh thu		25,364,302,376	25,053,314,760
Trong đó			<i>Năm nay</i>
<i>Doanh thu thi công lắp đặt</i>	2,931,566,508		<i>Năm trước</i>
<i>Doanh thu bán hàng</i>	18,872,724		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	22,413,863,144		
Các khoản giảm trừ doanh thu	(485,500)	(5,028,800)	
Hàng bán bị trả lại	(485,500)	(5,028,800)	
DOANH THU THUẬN	25,363,816,876	25,048,285,960	
Trong đó:			
<i>Doanh thu thuận thi công lắp đặt</i>	2,931,081,008	3,581,962,039	
<i>Doanh thu thuận từ bán hàng</i>	18,872,724	16,963,635	
<i>Doanh thu thuận từ cung cấp dịch vụ</i>	22,413,863,144	21,449,360,286	
23. Doanh thu hoạt động tài chính			

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,731,824	5,266,268
Lãi bán các khoản đầu tư	180,585,600	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15,595,932	15,000,536
TỔNG CỘNG	199,913,356	20,266,804

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2,447,265,528	3,021,003,284
Giá vốn của thành phẩm đã bán	13,346,103,583	12,644,075,105
TỔNG CỘNG	15,793,369,111	15,665,078,389

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên bán hàng	1,743,652,175	1,839,130,434
Chi phí vật liệu, bao bì	1,160,132,219	969,654,090
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1,364,120,488	1,267,410,401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55,226,670	47,117,520
Chi phí bán hàng khác	740,165,147	698,479,047
TỔNG CỘNG	5,063,296,699	4,821,791,492

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	1,242,282,957	1,118,088,847
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	16,273,000	18,811,728
Thuế, phí và lệ phí	12,103,455	23,524,945
Chi phí dự phòng	(6,493,710)	10,021,880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,395,859	12,684,672
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1,002,132,057	1,462,572,476
TỔNG CỘNG	2,274,693,618	2,645,704,548

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1,247,934,730	-
Các khoản khác	30,680,000	18,444,000
	1,278,614,730	18,444,000
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(173,454,776)	-
Các khoản khác	(51,517,175)	(33,799,357)
	(224,971,951)	(33,799,357)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN	1,053,642,779	(15,355,357)

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8,926,047,699	8,261,677,489
Chi phí nhân công	8,452,353,174	8,034,769,234
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 11 và số 12)	2,318,901,944	2,691,210,617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63,622,529	59,802,192
Các chi phí bằng tiền	3,257,678,231	3,880,175,305
TỔNG CỘNG	23,018,603,577	22,927,634,837

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	703,533,592	359,516,726
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	29,536,904	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(6,456,748)	28,367,634

TỔNG CỘNG**726,613,748****387,884,360**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,486,013,583	1,920,622,978	
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	697,202,717	384,124,596	
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>			
Chi phí không được trừ	44,994,390	6,759,871	
Chi phí trích trước	6,456,748	(28,367,634)	
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(3,119,186)	(3,000,107)	
Chi phí đã chịu thuế TNDN trong năm 2017	(42,001,077)	-	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	703,533,592	359,516,726	

29. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Thay đổi chi phí trích trước ngắn hạn	22,238,650	15,781,902	(6,456,748)	28,367,634
	<u>22,238,650</u>	<u>15,781,902</u>		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>22,238,650</u>	<u>15,781,902</u>		
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			<u>(6,456,748)</u>	<u>28,367,634</u>

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	808,000,000	853,500,000
Thù lao	216,000,000	216,000,000
TỔNG CỘNG	<u>1,024,000,000</u>	<u>1,069,500,000</u>

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	2,788,936,739	1,532,738,618
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(147,333,862)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2,788,936,739	1,385,404,756
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2,700,000	2,700,000
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản và lãi suy giảm</i>	<i>1,033</i>	<i>513</i>

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2017 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2018 số 133/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2018 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

32. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá có phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng sử dụng nước) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng sử dụng nước

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi số như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 9, Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			VND
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	245,495,235	-	245,495,235
Số đầu năm	245,495,235	-	245,495,235
Phải trả người bán	310,201,080	-	310,201,080
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	462,469,468	-	462,469,468
	772,670,548	-	772,670,548

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng

Tài sản tài chính

- Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	-	-	2,500,000,000	-
Phải thu khách hàng	(9,199,780)	439,909,706	(61,050,790)	1,056,620,251	378,858,916
Phải thu khác	-	1,308,658,748	-	1,458,296,553	1,308,658,748
Các khoản đầu tư	-	300,000,000	-	-	300,000,000
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1,349,169,983	-	1,491,398,739	1,349,169,983
TỔNG CỘNG	(9,199,780)	3,397,738,437	(61,050,790)	6,506,315,543	3,336,687,647

VND

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
-	310,201,080	-	310,201,080
134,301,982	383,559,956	134,301,982	383,559,956
134,301,982	693,761,036	134,301,982	693,761,036

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	-	310,201,080	-	310,201,080
Phải trả khác	134,301,982	383,559,956	134,301,982	383,559,956
TỔNG CỘNG	134,301,982	693,761,036	134,301,982	693,761,036

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

3.4. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là thi công lắp đặt và cung cấp nước. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong khu vực tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quốc Minh	Không có khả năng thu hồi	14,554,000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Đà Têh	Không có khả năng thu hồi	13,700,000	-
Khách hàng sử dụng nước	Không có khả năng thu hồi	17,103,300	-
CỘNG		45,357,300	-

Khoản nợ phải thu tiền hàng với số tiền 45.357.300 USD VND đã được xóa sổ do Công ty xác định không có khả năng thu hồi.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo Lộc, ngày tháng năm 2019
CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC
T.M.HỢI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Hiếu